TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 236/2018/DS-PT
Ngày: 28/6/2018
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan

Các Thẩm phán: + Ông Phan Văn Huyện

+ Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 06 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2018/TLPT-DS ngày 24/4/2018 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐ-PT ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim H, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

- Anh Đoàn Ngọc L, sinh năm 1978 (có mặt).
- Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1949 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

- Ông Lê Quang D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đoàn Ngọc L, bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**Nguyên đơn – chị Lê Thị Kim H trình bày*: Chị có cho anh L, chị T và bà T1 (gọi chung là bên anh L) vay nhiều lần với tổng số tiền là 375.000.000 đồng, cụ thể:

Số tiền vay trước ngày 20/02/2016 đến sáng ngày 20/02/2016 hai bên tổng kết lại là 165.000.000 đồng.

Sáng ngày 20/02/2016, bên anh L vay thêm của chị 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng sẽ trả.

Chiều ngày 20/02/2016, bên anh L vay thêm của chị 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng sẽ trả.

Ngày 01/05/2016, bên anh L vay thêm của chị 115.000.000 đồng, không có thỏa thuận thời hạn vay cụ thể, chỉ có thỏa thuận miệng khi nào chị muốn lấy lại tiền vốn thì báo trước cho bên anh L 30 ngày.

Ngày 14/07/2016, bên anh L vay thêm của chị 10.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng sẽ trả.

Ngày 02/09/2016, bên anh L vay thêm của chị 35.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày sẽ trả.

Anh L là người trực tiếp nhận tiền vay, mục đích vay để có vốn mua bán khóm của gia đình. Khi vay có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận không có ghi vào biên nhận. Bà T1 là mẹ ruột anh L và sống chung hộ với anh L đã nhiều lần cam kết xin trả dần số nợ của gia đình bà với chị nhưng không thực hiện, chị đã đòi nhiều lần nhưng bên anh L không trả.

Nay chị yêu cầu anh L, chị T và bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền vay là 375.000.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra chị có thỏa thuận với vợ chồng anh L, chị T (gọi chung là bên anh L) chị đứng ra chơi hụi thay cho bên anh L trong hai dây hụi như sau:

Dây 1: Hụi mở ngày 20/6/2016, hụi loại 5.000.000 đồng trên một phần, dây này có 24 phần, chị tham gia 01 phần, chị đóng thay cho bên anh L kỳ khui hụi đầu tiên. Ngày 20/7/2016, tại kỳ khui hụi lần thứ 2 chị hốt hụi được 90.800.000 đồng trừ huê H 2.500.000 đồng còn lại 88.300.000 đồng, ngày 30/07/2016 chị đã giao cho anh L số tiền 88.300.000 đồng. Anh L cam kết đóng hụi chết lại cho chị mỗi tháng là 5.000.000đ x 23 tháng = 115.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 10/01/2016, hụi loại 10.000.000 đồng trên một phần, dây này có 24 phần, chị tham gia 01 phần, chị đã đưa tiền cho anh D đóng thay ở kỳ khui hụi đầu tiên. Ngày 10/02/2016, tại kỳ khui hụi lần 2 chị hốt hụi được 164.440.000 đồng, trừ huê H 5.000.00 đồng còn lại 159.440.000 đồng và trừ 10.000.000 đồng số tiền chị cho anh L mượn để đưa cho anh D đóng ở kỳ khui hụi đầu tiên còn lại 149.440.000 đồng. Ngày 20/02/2016, chị đã giao cho anh L số tiền 149.440.000 đồng. Anh L cam kết đóng hụi chết lại cho chị mỗi tháng là 10.000.000 đồng x 23 tháng = 230.000.000 đồng. Cả hai lần chị giao tiền hụi cho anh L đều do anh L trực tiếp nhận và có làm biên nhận. Từ ngày nhận tiền hụi đến nay, bên anh L không đóng tiền hụi cho chị, chị phải đóng hụi thay cho anh L, đến nay hai dây hụi trên đã mãn.

Nay chị yêu cầu anh L và vợ là chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị số tiền hụi tổng cộng là 345.000.000 đồng.

**Bị đơn:*

- *Anh Đoàn Ngọc L trình bày:* Trước đây anh có vay của chị H 150.000.000 đồng lãi suất 30% trên một tháng, anh đã đóng lãi cho chị H gần 1.000.000.000đ (một tỉ đồng), do không còn khả năng đóng lãi nên anh đã sang nhượng cho chị H phần đất 13.625 m^2 tọa lạc tại xã Tân Hòa Đông, huyện P để trừ nợ xong cho chị H. Cũng khoảng thời gian trên anh có nhờ chị H vô dùm anh 8 đầu hụi bao gồm: 04 phần 2.000.000đ, 03 phần 5.000.000đ và 01 phần 10.000.000đ, chị H hốt hết những phần hụi của anh và nói với anh "Hụi của anh anh hốt hết mà không đủ đóng lãi có đâu trả vốn" và chị H yêu cầu anh trả thêm cho chị 165.000.000 đồng. Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị H nên chị nói sẽ kêu giang hồ xử anh.

Khoản tháng 09/2016, chị H dẫn hai tên giang hồ lên nhà ép mẹ anh đóng hụi và trả tiền nhưng mẹ anh nói không biết nên chị H đánh mẹ anh, anh có báo sự việc lên công an xã T nhưng đến nay chưa giải quyết. Đến ngày 19/12/2016, chị H lại dẫn hai tên giang hồ vào nhà anh đánh anh, anh có dùng liềm cắt khóm đánh lại hai tên đó bị thương, anh có báo sự việc lên công an huyện, hiện đang giải quyết.

Anh khẳng định không còn nợ tiền vay và tiền hụi của chị H như chị đã khởi kiện. Sáu biên nhận tiền vay và 02 biên nhận tiền hụi do chị H cung cấp cho Tòa để khởi kiện anh không phải do anh ký tên và viết tên Đoàn Ngọc L chổ người nhận. Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị H.

- *Chị Nguyễn Thanh T trình bày:* Việc vay tiền và chơi hụi giữa anh L và chị H, chị hoàn toàn không biết. Chị H dẫn người đến nhà đòi tiền chị và mẹ chồng chị thì chị mới biết sự việc. Chị yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết giữa anh L và chị H, chị và bà T1 không liên quan.

- *Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:* Thống nhất ý kiến của chị T.

**Người làm chứng:*

- Anh Lê Quang D trình bày: Anh không biết anh L, anh chỉ quen biết chị H. Anh có đứng ra bảo lãnh và giới thiệu cho chị H chơi hụi do bà Nguyễn Thị P làm thảo hụi hai dây hụi cụ thể: Dây hụi mở ngày 20/6/2016, hụi loại 5.000.000 đồng trên một phần, dây này có 24 phần, chị H tham gia 01 phần, đóng được 01 kỳ đầu tiên. Dây hụi mở ngày 10/01/2016, hụi loại 10.000.000 đồng trên một phần, dây này có 24 phần, chị H tham gia 01 phần, anh là người đóng thay ở kỳ khui hụi đầu tiên. Cả hai dây hụi trên chị H đã hốt hết và đóng lại rất đầy đủ, có khi chị H trực tiếp đóng hụi có khi anh đóng thay cho chị H rồi chị H trả lại cho anh, việc chị H chơi hụi thay cho anh L anh không biết, hai dây hụi trên còn hai kỳ nữa là mãn hụi.

Bà Nguyễn Thị P trình bày: Chị chỉ biết chị H, không quen biết anh L, chị H có tham gia hụi do chị làm đầu thảo. Chị H tham gia trong hai dây hụi khui ngày 10/01/2016, hụi loại 10.000.000 đồng trên một phần mỗi dây có 24 phần, mỗi dây chị H tham gia 01 phần và 01 phần trong dây hụi khui ngày 20/06/2016, loại hụi 5.000.000 đồng trên một phần, dây có 24 phần. Chị H đã hốt hụi trong các dây hụi đã tham gia và đóng lại đầy đủ. Ông Lê Quang D là người bảo lãnh cho chị H trong các phần hụi trên nếu chị H không đóng hụi cho chị thì anh D là người có nghĩa vụ đóng thay, đến nay hụi còn 01 phần nữa là mãn hụi.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H đối với anh Đoàn Ngọc L cùng chị Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T1.

Buộc anh Đoàn Ngọc L cùng chị Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim H số tiền vay là 375.000.000đ (ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng), thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim H đối với anh Đoàn Ngọc L cùng chị Nguyễn Thanh T.

Buộc anh Đoàn Ngọc L cùng chị Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị Kim H số tiền hụi là 345.000.000đ (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng), thực hiện làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày **09/3/2018**, bị đơn anh Đoàn Ngọc L, chị Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Đoàn Ngọc L, chị Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị

T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Tiền Giang, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về tố tụng: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện P đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như sau:

- Về xác định người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh L cho rằng trước đây anh có sang nhượng cho chị H phần đất 13.625 m^2 tọa lạc tại xã Tân Hòa Đông, huyện P có giá trị 340.000.000 đồng để trừ số nợ 150.000.000 đồng vốn và tiền lãi mà anh đã nợ chị H. Việc chuyển nhượng chỉ thỏa thuận miệng với nhau không có làm giấy tờ và thực tế chị H cũng đã quản lý canh tác phần đất này. Sau đó, chị H chuyển nhượng phần đất trên cho một người khác và nhận tiền chuyển nhượng. Anh chỉ là người ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng chứ không có nhận tiền.

Phía chị H thì cho rằng chị có nhận và canh tác phần đất của anh L khoảng 3, 4 tháng và có thu hoạch một đợt khóm khoảng 02 tấn. Sau đó anh L đã lấy phần đất này lại chuyển nhượng cho người khác nhưng không có trả tiền nợ cho chị, chị không có nhận số tiền nào từ việc chuyển nhượng đất.

Như vậy, giữa chị H và anh L trình bày không thống nhất với nhau về việc ai là người chuyển nhượng phần đất trên và ai là người nhận tiền chuyển nhượng đất. Xét việc đưa người nhận chuyển nhượng phần đất trên vào tham gia tố tụng với T1 cách là người làm chứng là chứng cứ quan trọng để xác định anh L hay chị H là người chuyển nhượng phần đất trên nhằm làm rõ số nợ của anh L đã được cấn trừ từ việc chuyển nhượng phần đất trên hay chưa. Nhưng Tòa cấp sơ thẩm không điều tra làm rõ và đưa người nhận chuyển nhượng đất vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng.

Về thời gian nghị án và tuyên án: Tòa sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về quy định thời gian nghị án, Tòa sơ thẩm xét xử vụ án vào ngày 08/02/2018 đến ngày 23/02/2018 thì tuyên án. Sau khi trừ những ngày nghỉ lễ, tết thì thời gian nghị án của Tòa sơ thẩm là 06 ngày làm việc vượt quá 01 ngày so với quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về thời gian nghị án là không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tranh luận tại phiên tòa.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị T1 vào tham gia tố tụng với T1 cách bị đơn là không chính xác, bởi căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn là người bị nguyên đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và L ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm. Nhưng trong vụ án này bà T1 là người không đứng ra thực hiện giao dịch với chị H, bà T1 cũng không có xâm phạm gì đến quyền L của chị H. Do đó, Tòa sơ thẩm xác định bà T1 là bị đơn trong vụ án là không đúng với quy định pháp luật. Nếu có, bà T1 là người có quyền L và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về biên bản nghị án của Tòa sơ thẩm cũng có thiếu sót như sau: biên bản nghị án ghi thời gian nghị án vào hồi 11 giờ 05 phút ngày 08/02/2018 nhưng cuối biên bản không thể hiện thời gian kết thúc nghị án là vào ngày tháng năm nào. Như vậy biên bản nghị án đã không cụ thể về thời gian nghị án của Hội đồng xét xử là vi phạm thủ tục tố tụng.

2/ Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H không cung cấp được bản chính 08 biên nhận tiền (trong đó, 06 biên nhận vay tiền và 02 biên nhận tiền hụi) là chứng cứ duy nhất để chị khởi kiện bị đơn. Chị cho rằng 08 biên nhận chính này đã mất tại nhà anh L, do chính anh L lấy và chị có trình bày việc mất các biên nhận này cho công an xã T, huyện P. Để chứng minh cho việc chị đã bị mất 08 biên nhận gốc, chị H cung cấp cho Tòa biên bản sự việc đánh nhau ngày 19/12/2016 và biên bản ghi lời khai của chị H ngày 19/12/2016. Nhưng 02 biên bản này không thể hiện việc chị có mất 08 biên nhận chính hay không cũng như không chứng minh được chị có 08 biên nhận chính, công an xã T không có lập biên bản về việc mất các biên nhận như chị H trình bày. Từ đó, cho thấy khi chị H khởi kiện vụ án tại Tòa án huyện P thì chị H chỉ nộp 08 biên nhận tiền là bản photo, trong hồ sơ cũng toàn bộ là các biên nhận photo không phải là bản chính và cũng không có bản đối chiếu sao y nào cả, phía anh L (bị đơn) không thừa nhận là có ký tên và viết họ tên trong 08 biên nhận photo. Xét thấy các biên nhận chính là chứng cứ quan trọng để Tòa án có thụ lý đơn và giải quyết vụ kiện hay không, nhưng Tòa sơ thẩm đã thụ lý và xét

xử vụ án chỉ dựa vào biên nhận photo của nguyên đơn cung cấp là trái với quy định của Bộ luật tụng dân sự, bởi tài liệu photo không được xem là chứng cứ trong vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào 06 biên nhận vay tiền photo do chị H cung cấp để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh L, chị T, bà T1 trả cho chị H tổng số tiền vay là 375.000.000 đồng nhưng khi tính tổng số tiền của 06 lần vay thể hiện trong bản án chỉ có 365.000.000 đồng. Điều này cho thấy Tòa sơ thẩm không xem xét kỹ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ khi giải quyết vụ án làm ảnh hưởng quyền L của của đương sự.

- Ngày 18/9/2017, Tòa án nhân dân huyện P ra quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm buộc chị H phải gửi giữ số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản phong tỏa của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện P và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa quyền sử dụng 03 thửa đất cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị T1. Nhưng tại bản án sơ thẩm không giải quyết đối với hai quyết định phong tỏa trên là sai sót.

Từ những thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy toàn bộ án sơ thẩm để giao về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh L, chị T, bà T1 là có căn cứ.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Anh L, chị T, bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 471, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đoàn Ngọc L, chị Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1.

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 23/02/2018 của Toà án nhân dân huyện P.

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện P để giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

- Anh Đoàn Ngọc L, chị Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại anh L, chị T, bà T1 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 19166 ngày 09/3/2017 (2018) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

- Án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 28/6/2018 có mặt chị H, anh L, các đương sự còn lại và Kiểm sát viên vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan